

Số: 18 /QĐ-SGDĐT

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp các cơ sở giáo dục công lập
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 01/VBHN-BNV ngày 08/01/2024 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về thực hiện chế độ hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 4201/TB-SNV ngày 17/12/2024 của Sở Nội vụ về việc thông báo chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu biên chế và lao động hợp đồng đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội năm 2025 (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Phòng Tổ chức cán bộ có trách nhiệm thông báo và hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng chỉ tiêu biên chế và lao động hợp đồng năm 2025 đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng có liên quan thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *HL*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TCCB (06). *HL*



GIÁM ĐỐC

Trần Thế Cường

PHỤ LỤC 01

BIỂU GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số **18** /QĐ-SGDĐT ngày **07/01/2025** của của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Người

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025				GHI CHÚ
			Trong đó:			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức			
			Tổng biên chế	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	
B	Đơn vị sự nghiệp		10 802	10 578	224	
1	Khởi THPT		10 377	10 153	224	
1	THPT Ba Vì		91	89	2	
2	THPT Bắc Lương Sơn		63	62	1	
3	THPT Bắc Thăng Long		88	86	2	
4	THPT Bất Bạt		66	65	1	
5	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		90	88	2	
6	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		76	74	2	
7	THPT Cầu Giấy		97	95	2	
8	THPT Chu Văn An		137	134	3	
9	THPT Chúc Động		101	99	2	
10	THPT Chương Mỹ A		102	100	2	
11	THPT Chương Mỹ B		97	95	2	
12	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		154	151	3	
13	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		137	134	3	
14	THPT Cổ Loa		90	88	2	
15	THPT Đa Phúc		84	82	2	
16	THPT Đại Cường		48	47	1	
17	THPT Đại Mỗ		90	88	2	
18	THPT Đan Phượng		90	88	2	
19	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		99	97	2	
20	THPT Đông Anh		85	83	2	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025				GHI CHÚ
		Tổng cộng	Trong đó:			
			Biên chế viên chức			
			Tổng biên chế	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	
21	THPT Đồng Đa		101	99	2	
22	THPT Đồng Mỹ		72	71	1	
23	THPT Đồng Quan		83	81	2	
24	THPT Dương Xá		85	83	2	
25	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất		89	87	2	
26	THPT Hoài Đức A		99	97	2	
27	THPT Hoài Đức B		92	90	2	
28	THPT Hoài Đức C		67	66	1	
29	THPT Hoàng Văn Thụ		94	92	2	
30	THPT Hồng Thái		84	82	2	
31	THPT Hợp Thanh		75	73	2	
32	TH, THCS và THPT Khương Hạ		58	57	1	
33	THPT Khương Đình		89	88	1	
34	THPT Kim Anh		77	75	2	
35	THPT Kim Liên		100	98	2	
36	THPT Lê Lợi		41	33	8	
37	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		100	98	2	
38	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa		99	97	2	
39	THPT Liên Hà		90	88	2	
40	THPT Lưu Hoàng		63	62	1	
41	THPT Lý Thường Kiệt		68	67	1	
42	THPT Lý Từ Tấn		77	75	2	
43	THPT Mê Linh		75	73	2	
44	THPT Minh Hà		63	62	1	
45	THPT Minh Khai		96	94	2	
46	THPT Minh Phú		63	62	1	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025				GHI CHÚ
		Tổng cộng	Trong đó:			
			Biên chế viên chức			
			Tổng biên chế	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	
47	THPT Minh Quang		50	49	1	
48	THPT Mỹ Đình		82	81	1	
49	THPT Mỹ Đức A		103	101	2	
50	THPT Mỹ Đức B		92	90	2	
51	THPT Mỹ Đức C		72	70	2	
52	THPT Ngô Quyền - Ba Vì		105	103	2	
53	THPT Ngô Thị Nhậm		89	87	2	
54	THPT Ngọc Hồi		83	81	2	
55	THPT Ngọc Tảo		98	96	2	
56	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		85	83	2	
57	THPT Nguyễn Gia Thiều		94	92	2	
58	THPT Nguyễn Quốc Trinh		79	77	2	
59	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		91	89	2	
60	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		91	89	2	
61	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		75	74	1	
62	THPT Nguyễn Văn Cừ		85	83	2	
63	THPT Nguyễn Văn Trỗi		89	88	1	
64	THPT Nhân Chính		79	77	2	
65	THPT Phạm Hồng Thái		94	92	2	
66	THPT Phan Đình Phùng		102	100	2	
67	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		75	74	1	
68	THPT Phú Xuyên A		97	95	2	
69	THPT Phú Xuyên B		85	83	2	
70	THPT Phúc Lợi		91	89	2	
71	THPT Phúc Thọ		90	88	2	
72	THPT Phùng Khắc Khoan		91	89	2	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025				GHI CHÚ
		Tổng cộng	Trong đó:			
			Biên chế viên chức			
			Tổng biên chế	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	
73	THPT Quang Minh		67	66	1	
74	THPT Quảng Oai		105	103	2	
75	THPT Quang Trung - Đống Đa		96	94	2	
76	THPT Quang Trung - Hà Đông		95	93	2	
77	THPT Quốc Oai		101	99	2	
78	THPT Sóc Sơn		87	85	2	
79	THPT Sơn Tây		132	129	3	
80	THPT Tân Dân		73	71	2	
81	THPT Tân Lập		82	80	2	
82	THPT Tây Hồ		94	92	2	
83	THPT Thạch Bàn		92	90	2	
84	THPT Thạch Thất		104	102	2	
85	THPT Thăng Long		92	90	2	
86	THPT Thanh Oai A		85	83	2	
87	THPT Thanh Oai B		88	86	2	
88	THPT Thọ Xuân		44	43	1	
89	THPT Thượng Cát		75	73	2	
90	THPT Thường Tín		91	89	2	
91	THPT Tiên Phong		70	69	1	
92	THPT Tiến Thịnh		64	63	1	
93	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		84	82	2	
94	THPT Trần Đăng Ninh		86	84	2	
95	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		95	93	2	
96	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		87	85	2	
97	THPT Trần Nhân Tông		92	90	2	
98	THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm		105	103	2	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025				GHI CHÚ
		Tổng cộng	Trong đó:			
			Biên chế viên chức			
			Tổng biên chế	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	
99	THPT Trung Giã		77	75	2	
100	THPT Trung Văn		79	77	2	
101	THPT Trương Định		95	93	2	
102	THPT Tự Lập		69	68	1	
103	THPT Tùng Thiện		91	89	2	
104	THPT Ứng Hoà A		84	82	2	
105	THPT Ứng Hoà B		72	70	2	
106	THPT Vân Cốc		73	72	1	
107	THPT Vân Nội		92	90	2	
108	THPT Vân Tảo		75	73	2	
109	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		84	82	2	
110	THPT Việt Đức		108	106	2	
111	THPT Việt Nam - Ba Lan		101	99	2	
112	THPT Xuân Đình		93	91	2	
113	THPT Xuân Giang		70	69	1	
114	THPT Xuân Khanh		74	72	2	
115	THPT Xuân Mai		109	107	2	
116	THPT Xuân Phương		90	88	2	
117	THPT Yên Hòa		90	88	2	
118	THPT Yên Lãng		70	69	1	
119	THPT Yên Viên		84	82	2	
	Dự phòng (THPT chuẩn bị thành lập)		196	196		
2	Khởi trường trung cấp chuyên nghiệp		54	54		
1	Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội		54	54		
3	Khởi các trường chuyên biệt		234	234		
1	TH Bình Minh		46	46		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025				GHI CHÚ
			Trong đó:			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức			
			Tổng biên chế	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	
2	PTCS Xã Đàn		57	57		
3	PTCS Nguyễn Đình Chiểu		69	69		
4	Trường Phổ thông dân tộc nội trú		62	62		

PHỤ LỤC 02
BIỂU GIAO CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH 111/2022/NĐ-CP TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày: / /2025 của của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Người

STT	TÊN ĐƠN VỊ	HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ, PHỤC VỤ				HBLĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị	HBLĐ định mức (làm công nuôi)	GHI CHÚ
		Tổng cộng	Tổng	Hỗ trợ, phục vụ (UBND giao)	hỗ trợ, phục vụ (Sở GDĐT giao)			
I	Đơn vị sự nghiệp	3 317	633	523	110	2 668	16	
1	Khối THPT	3 265	597	492	105	2 668		
1	THPT Ba Vì	25	5	4	1	20		
2	THPT Bắc Lương Sơn	22	5	4	1	17		
3	THPT Bắc Thăng Long	36	5	5		31		
4	THPT Bát Bạt	27	5	5		22		
5	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	34	5	5		29		
6	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	28	5	4	1	23		
7	THPT Cầu Giấy	36	5	4	1	31		
8	THPT Chu Văn An	41	5	5		36		
9	THPT Chúc Đông	24	5	5		19		
10	THPT Chương Mỹ A	23	5	4	1	18		
11	THPT Chương Mỹ B	28	5	5		23		
12	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	34	5	2	3	29		
13	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	31	5	2	3	26		
14	THPT Cổ Loa	36	5	5		31		
15	THPT Đa Phúc	40	5	5		35		
16	THPT Đại Cường	16	5	5		11		
17	THPT Đại Mỗ	30	5	5		25		
18	THPT Đan Phượng	32	5	4	1	27		
19	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	25	5	5		20		
20	THPT Đồng Anh	25	5	5		20		
21	THPT Đồng Đa	24	5	3	2	19		
22	THPT Đồng Mỹ	31	5	3	2	26		
23	THPT Đồng Quan	21	5	5		16		
24	THPT Dương Xá	34	5	5		29		
25	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất	22	5	5		17		
26	THPT Hoài Đức A	20	5	5		15		
27	THPT Hoài Đức B	30	5	2	3	25		
28	THPT Hoài Đức C	27	5	2	3	22		
29	THPT Hoàng Văn Thụ	35	5	5		30		
30	THPT Hồng Thái	19	5	5		14		
31	THPT Hợp Thanh	22	5	5		17		
32	TH, THCS và THPT Khương Hạ	37	5	4	1	32		
33	THPT Khương Đình	28	5	2	3	23		
34	THPT Kim Anh	22	5	4	1	17		
35	THPT Kim Liên	29	5	4	1	24		
36	THPT Lê Lợi	39	5	3	2	34		
37	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	33	5	4	1	28		
38	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa	30	5	3	2	25		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ, PHỤC VỤ				HDLĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị	HDLĐ định mức (làm cơ muối)	GHI CHÚ
		Tổng cộng	Tổng	Hỗ trợ, phục vụ (UBND giao)	hỗ trợ, phục vụ (Số GĐĐT giao)			
39	THPT Liên Hà	34	5	5		29		
40	THPT Lưu Hoàng	19	5	4	1	14		
41	THPT Lý Thường Kiệt	28	5	4	1	23		
42	THPT Lý Tử Tấn	29	5	4	1	24		
43	THPT Mê Linh	19	5	4	1	14		
44	THPT Minh Hà	6	5	1	4	1		
45	THPT Minh Khai	23	5	5		18		
46	THPT Minh Phú	27	5	5		22		
47	THPT Minh Quang	18	5	5		13		
48	THPT Mỹ Đình	23	5	2	3	18		
49	THPT Mỹ Đức A	23	5	5		18		
50	THPT Mỹ Đức B	19	5	5		14		
51	THPT Mỹ Đức C	25	6	6		19		
52	THPT Ngô Quyền - Ba Vì	20	5	5		15		
53	THPT Ngô Thì Nhậm	33	5	4	1	28		
54	THPT Ngọc Hồi	32	5	4	1	27		
55	THPT Ngọc Tào	27	5	5		22		
56	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	30	5	5		25		
57	THPT Nguyễn Gia Thiều	30	5	4	1	25		
58	THPT Nguyễn Quốc Trinh	34	5	3	2	29		
59	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	35	5	3	2	30		
60	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	33	5	5		28		
61	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	25	5	4	1	20		
62	THPT Nguyễn Văn Cừ	29	5	5		24		
63	THPT Nguyễn Văn Trỗi	24	5	3	2	19		
64	THPT Nhân Chính	26	5	3	2	21		
65	THPT Phạm Hồng Thái	31	5	2	3	26		
66	THPT Phan Đình Phùng	28	5	4	1	23		
67	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	28	5	2	3	23		
68	THPT Phú Xuyên A	28	6	6		22		
69	THPT Phú Xuyên B	18	5	4	1	13		
70	THPT Phúc Lợi	40	5	5		35		
71	THPT Phúc Thọ	33	5	5		28		
72	THPT Phùng Khắc Khoan	28	5	4	1	23		
73	THPT Quang Minh	22	5	5		17		
74	THPT Quảng Oai	19	5	4	1	14		
75	THPT Quang Trung - Đống Đa	28	5	3	2	23		
76	THPT Quang Trung - Hà Đông	36	5	5		31		
77	THPT Quốc Oai	25	5	5		20		
78	THPT Sóc Sơn	25	5	5		20		
79	THPT Sơn Tây	18	5	4	1	13		
80	THPT Tân Dân	23	5	4	1	18		
81	THPT Tân Lập	26	5	5		21		
82	THPT Tây Hồ	35	5	4	1	30		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ, PHỤC VỤ				HDLĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị	HDLĐ định mức (làm cơ nuôi)	GHI CHÚ
		Tổng cộng	Tổng	Hỗ trợ, phục vụ (UBND giao)	hỗ trợ, phục vụ (Sở GDĐT giao)			
83	THPT Thạch Bàn	40	5	5		35		
84	THPT Thạch Thất	21	5	5		16		
85	THPT Thăng Long	33	5	3	2	28		
86	THPT Thanh Oai A	31	5	5		26		
87	THPT Thanh Oai B	31	5	3	2	26		
88	THPT Thọ Xuân	5	5		5			Tự chủ 46%
89	THPT Thương Cát	29	5	5		24		
90	THPT Thường Tín	28	5	4	1	23		
91	THPT Tiên Phong	20	5	3	2	15		
92	THPT Tiến Thịnh	25	5	5		20		
93	THPT Tô Hiệu - Thường Tín	27	5	5		22		
94	THPT Trần Đăng Ninh	19	5	4	1	14		
95	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	37	5	5		32		
96	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	31	5	4	1	26		
97	THPT Trần Nhân Tông	28	5	3	2	23		
98	THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm	30	5	3	2	25		
99	THPT Trung Giã	26	5	5		21		
100	THPT Trung Văn	26	5	5		21		
101	THPT Trương Định	36	5	3	2	31		
102	THPT Tự Lập	20	5	5		15		
103	THPT Tùng Thiện	30	5	5		25		
104	THPT Ứng Hoà A	20	5	4	1	15		
105	THPT Ứng Hoà B	18	5	4	1	13		
106	THPT Văn Cốc	25	5	5		20		
107	THPT Văn Nội	33	5	5		28		
108	THPT Văn Tào	24	5	4	1	19		
109	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	26	5	5		21		
110	THPT Việt Đức	36	5	4	1	31		
111	THPT Việt Nam - Ba Lan	30	5	5		25		
112	THPT Xuân Đình	32	5	3	2	27		
113	THPT Xuân Giang	24	5	5		19		
114	THPT Xuân Khanh	22	5	4	1	17		
115	THPT Xuân Mai	17	5	4	1	12		
116	THPT Xuân Phương	36	5	2	3	31		
117	THPT Yên Hòa	35	5	3	2	30		
118	THPT Yên Lãng	22	5	5		17		
119	THPT Yên Viên	34	5	4	1	29		
	Dự phòng (THPT chuẩn bị thành lập)							
2	Khối trường trung cấp chuyên nghiệp	8	8	8				
1	Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội	8	8	8				
3	Khối các trường chuyên biệt	44	28	23	5		16	
1	TH Bình Minh	5	5	2	3			Tự chủ 0%
2	PTCS Xã Đàn	7	6	4	2		1	Tự chủ 5%
3	PTCS Nguyễn Đình Chiểu	11	9	9			2	Tự chủ 11%

STT	TÊN ĐƠN VỊ	HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ, PHỤC VỤ				HDLĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị	HDLĐ định mức (làm cơ nuôi)	GHI CHÚ
		Tổng cộng	Tổng	Hỗ trợ, phục vụ (UBND giao)	Hỗ trợ, phục vụ (Sở GDĐT giao)			
4	Trường Phổ thông dân tộc nội trú	21	8	8			13	

Ghi chú:

-Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3), đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4): Số lượng lao động hợp đồng hỗ trợ, phục vụ được xác định tại Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (theo Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 21/3/2023 của UBND Thành phố).

- Đối với đơn vị nhóm 4: Đơn vị sự nghiệp số lượng người cần ký hợp đồng không quá 70% số lượng còn thiếu so với định mức.